

Bài Tập

Câu 1: Điền dấu ($>$, $<$, $=$) thích hợp vào chỗ chấm.

a. $4 \times 5 + 6 \dots\dots\dots 4 \times 6$

b. $5 \times 4 - 6 \dots\dots\dots 5 \times 4$

c. $3 \times 6 + 3 \dots\dots\dots 3 \times 7$

Câu 2: Viết thêm 3 số vào mỗi dãy số sau:

a. 3, 6, 9, 12,,,

b. 5, 10, 15, 20,,,

Câu 3: Tìm hai số có tích bằng 8 và có tổng bằng 6.

Câu 4: Tìm hai số có tích bằng 10 và có hiệu bằng 3.

Câu 5: Tìm hai số có tích bằng 9 và hiệu bằng 0.

Câu 6: An, Bình mỗi bạn viết thư cho 4 bạn. Hồng, Lan, Cúc, Huệ. Hỏi tất có bao nhiêu bức thư.

Câu 7: Có 3 bạn, mỗi bạn mua 1 viên bi đỏ, 1 viên bi vàng. Hỏi 3 bạn đã mua bao nhiêu viên bi?

Câu 8: Có hai con đường đi từ nhà Lan đến nhà Hồng, có 4 con đường đi từ nhà Hồng đến nhà Mai. Hỏi có bao nhiêu cách đi từ nhà Lan đến nhà Mai mà phải đi ngang qua nhà Hồng?

Câu 9: Ba bạn An, Bình, Cự trong 1 tổ cùng đi chung đến trường. Trên đường đi mỗi em gặp bốn bạn cùng lớp đi đến trường. Hỏi ba bạn An, Bình, Cự gặp tất cả bao nhiêu bạn?

Đáp Án

Câu 1:

a. $4 \times 5 + 6 > 4 \times 6$

b. $5 \times 4 - 6 < 5 \times 3$

c. $3 \times 6 + 3 = 3 \times 7$

Câu 2:

a. 3, 6, 9, 12, 15, 18, 21

b. 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35

Câu 3:

$8=1 \times 8$

$$1+8=9$$

$$8=2\times 4$$

$$2+4=6$$

Vậy hai số Cần tìm là 2 và 4

Câu 4:

$$10 = 1 \times 10$$

$$10 - 1 = 9$$

$$10 = 2 \times 5$$

$$5 - 2 = 3$$

Vậy hai số cần tìm là 2 và 5

Câu 5:

$$9 = 1 \times 9$$

$$9 - 1 = 8$$

$$9 = 3 \times 3$$

$$3 - 3 = 0$$

Vậy hai số cần tìm đều bằng 3.

Câu 6:

Số bức thư được viết là:

$$4 \times 2 = 8 \text{ (bức thư)}$$

Đáp số: 8 bức thư

Câu 7:

Mỗi bạn mua 2 viên bi Số viên bi 3 bạn mua

$$2 \times 3 = 6 \text{ (viên bi)}$$

Đáp số: 6 viên bi

Câu 8:

Số cách đi từ nhà Lan đến nhà Mai:

$$4 \times 2 = 8 \text{ (cách đi)}$$

Đáp số: 8 cách đi

Câu 9:

Ba bạn An, Bình, Cư gặp tất cả 4 bạn cùng lớp.